



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (Số): IMC.8656.26

Tên phương tiện đo (Object): **Thước vạch - Thiết bị thí nghiệm thấm của đất, cát**

Kiểu (Type): N/A Số (Serial No) / Mã QL (Tag No): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Theo TCVN8723

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG MINH CHÂU

Địa chỉ (Address): 88 Nguyễn Tất Thành, Phường Hội An Tây, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): Đo trực tiếp; Theo yêu cầu của khách hàng

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Thước đo (Caliper); U= 0,03mm

Kết quả (Results):

Xem kết quả trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày đề nghị kiểm tra tiếp theo:
(Retesting recommended)

03 - 04 - 27

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy



GIÁM ĐỐC
(Director)

GIÁM ĐỐC
Trần Đình Lân

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy kết quả đo (attached to certificate №): IMC.8656.26

Vị trí kiểm (mm)	50	100	200	500	700	900
Sai số (mm)	0,28	0,39	0,39	0,4	0,5	0,5

- Độ không đảm bảo đo mở rộng: $U = (0,02 + 0,02L)\mu\text{m}$; L: m
- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2)^\circ\text{C}$; Độ ẩm $(55 \pm 10)\% \text{RH}$

IMC



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.8657.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Cần đo Benkelman**

Kiểu (Type): (1:2)

Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer):

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Tiêu chuẩn AASHTO T256; Tỷ lệ 2 : 1

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG MINH CHÂU

Địa chỉ (Address): 88 Nguyễn Tất Thành, Phường Hội An Tây, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): QTHC 5.4 - 12

Cần đo Benkelman - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): IMC.TB3.01 - Căn mẫu cấp chính xác 1

The Standard devices are traceable to national standards

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 03 - 04 - 27

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2026
(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy



GIÁM ĐỐC
(Director)

GIÁM ĐỐC

Trần Đình Tân

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.8657.26

TT	Căn mẫu (mm)	Chỉ thị trên đồng hồ (vạch x 0,01 mm)	Độ không đảm bảo đo
1	2	98	0,59
2	5	249	0,60
3	6	298	0,52
4	7	347	1,14
5	8	396	1,18
6	11	547	1,20
7	13	646	1,32

- Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(25 \pm 2)^{\circ}\text{C}$;
- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy $P = 95\%$ ($k = 2$).

(Expanded measurement uncertainty U with coverage factor $k = 2$; confidence level of $P = 95\%$).



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (Số): **IMC.8658.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Thiết bị đo hàm lượng Parafin trong nhựa đường**

Kiểu (Type) : **WSY-010**

Số (Serial No)/Mã QL(Tag No): **230541**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (range): Nhiệt độ giới hạn: **-30 °C**

Độ phân giải (Resolution): **0,1 °C**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG MINH CHÂU

Địa chỉ (Address): **88 Nguyễn Tất Thành, Phường Hội An Tây, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-07**

Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ đo nhiệt độ đa kênh;

Độ không đảm bảo đo $U = 0,2 °C$

Kết quả (Results) :

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **03 - 04 - 27**

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy



GIÁM ĐỐC
(Director)

GIÁM ĐỐC
Trần Đình Tuấn

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

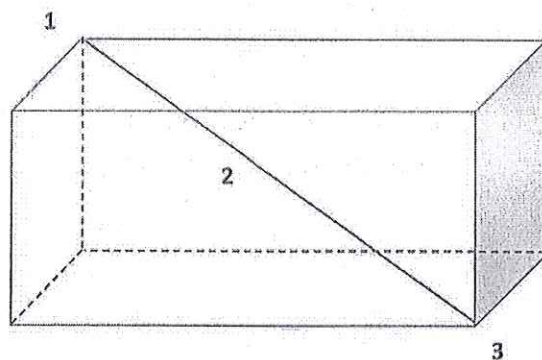
Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.8658.26



Nhiệt độ chỉ thị (Indicator) °C	Nhiệt độ chuẩn (Standard) °C		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
0	0,2	0,3	0,2
10	10,2	10,4	10,3
15	15,3	15,5	15,4
Độ KĐBĐ (P=95% CL, k=2) °C	2,0		



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.8659.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Thiết bị thử va đập kính kiểu bi rơi**

Kiểu (Type): **TA-35** Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): **24019**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **TCVN 7368:2013**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG MINH CHÂU

Địa chỉ (Address): **88 Nguyễn Tất Thành, Phường Hội An Tây, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **Đo trực tiếp ;
Theo yêu cầu của khách hàng**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Lực kế chuẩn, $U = 0,14 \cdot 10^{-2}$**

Thiết bị đo độ dài, CCX 1

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **03 - 04 - 27**

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2026

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy



(Date of issue)

GIÁM ĐỐC
(Director)

GIÁM ĐỐC

Trần Đình Lân

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.8659.26

Chỉ tiêu kỹ thuật	Giá trị danh định	Giá trị đo được
Đường kính bi	63,5 mm	63,0 mm
	82,5 mm	82,1 mm
Khối lượng bi	1040 g	1039,7 g
	2260 g	2258,5 g

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$.
(The equipment has been calibrated at the temperature of $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$.)

IMC



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.8660.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử mài mòn bèn mặt gạch phủ men**

Kiểu (Type): **LM-8** Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): **23024**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Tiêu chuẩn TCVN 6065-1995**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG MINH CHÂU

Địa chỉ (Address): **88 Nguyễn Tất Thành, Phường Hội An Tây, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4 - 09**

Máy thử mài mòn - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Đồng hồ đo tốc độ vòng quay

Kết quả (Results): **Tốc độ vòng quay của đĩa đo được: (300 ~ 303) vòng/phút**
Với độ không đảm bảo đo: $U = 1.6 \cdot 10^{-2}$ hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **03 - 04 - 27**

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy



GIÁM ĐỐC
(Director)

GIÁM ĐỐC
Trần Đình Lân

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

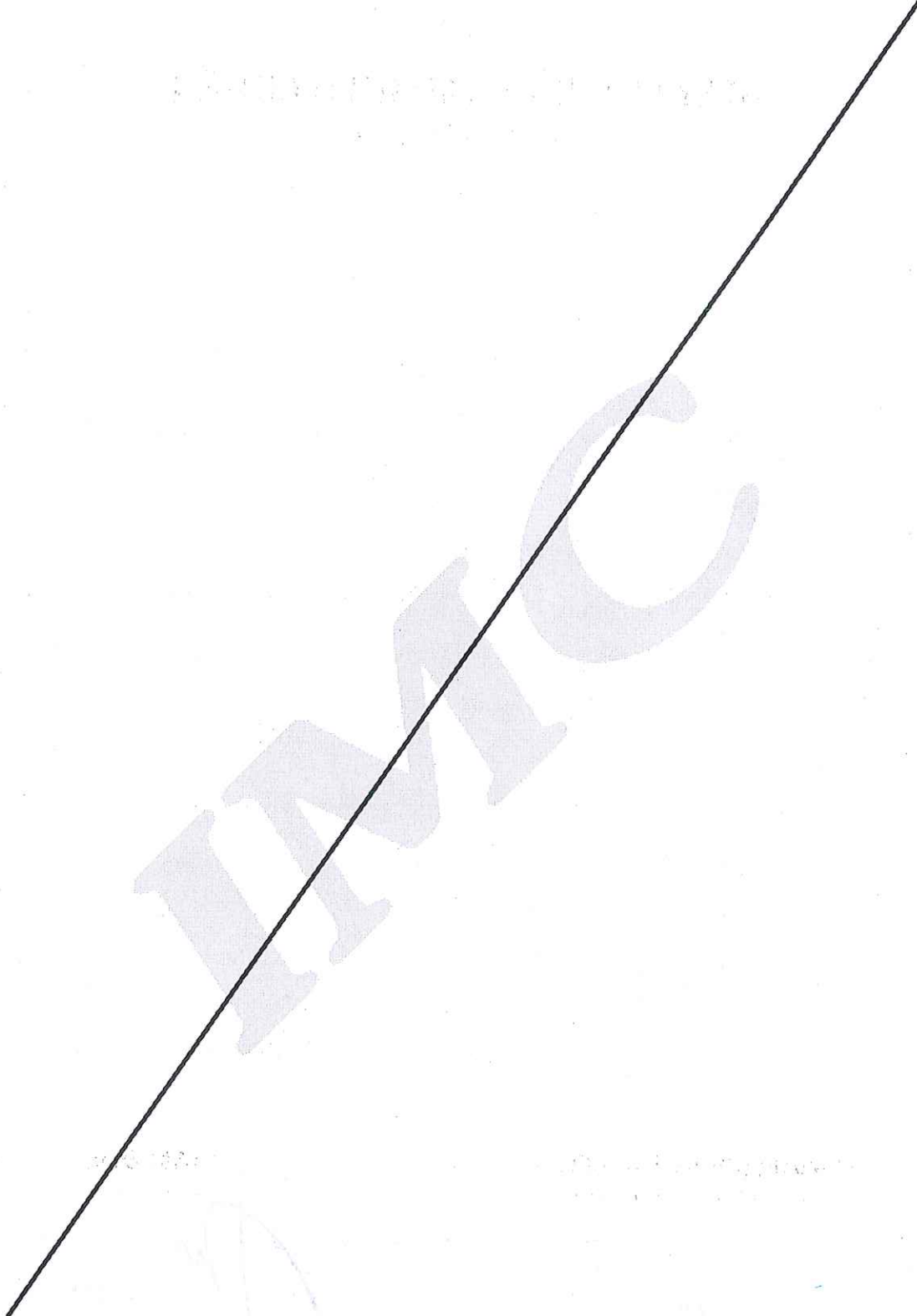
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Trang: 2/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.8661.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy kiểm tra độ mài mòn bê tông**

Kiểu (Type): **TA-30** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **20015**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Tốc độ đặt: 30 vòng/phút**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG MINH CHÂU

Địa chỉ (Address): **88 Nguyễn Tất Thành, Phường Hội An Tây, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4 - 09**

Máy thử mài mòn - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Đồng hồ đo tốc độ vòng quay**

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **03 - 04 - 27**

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy



GIÁM ĐỐC
(Director)
Trần Đình Tuấn

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công cộng khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

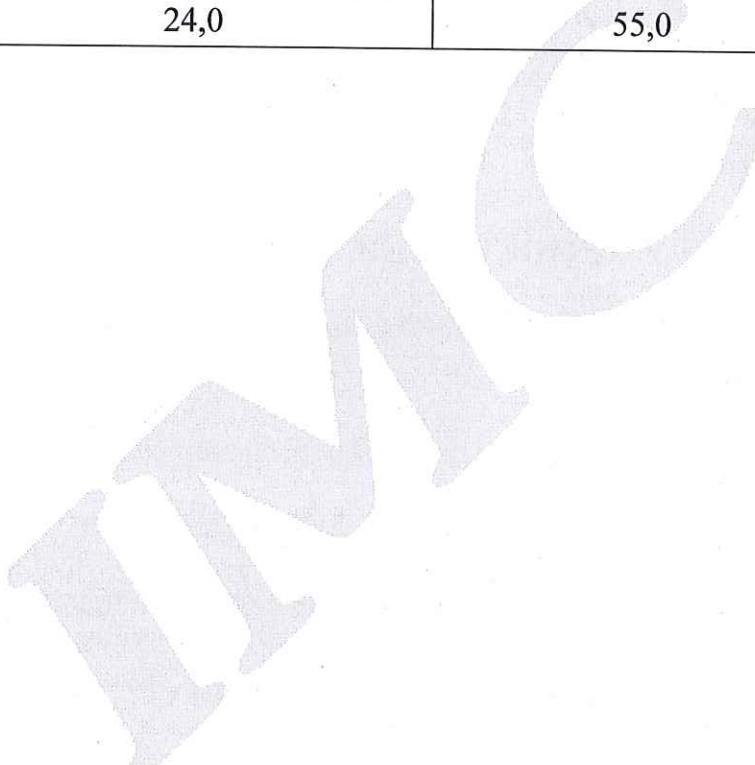


Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.8661.26

Chỉ tiêu	Giá trị danh định	Giá trị đo được
Tốc độ vòng quay	30 vòng/phút	(30± 1) vòng/phút

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions) :

Nhiệt độ (Temperature) , °C	Độ ẩm (Humidity) , %RH
24,0	55,0



Trang: 2/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam.

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.8662.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Con lắc Anh thí nghiệm độ chống trượt**

Kiểu (Type) : **BM-III** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **231222**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **8791 : 2011, EN 1097-8**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG MINH CHÂU

Địa chỉ (Address): **88 Nguyễn Tất Thành, Phường Hội An Tây, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **Đo trực tiếp;
Theo yêu cầu của khách hàng**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Lực kế chuẩn

Thước cặp điện tử $U = (5 + 8L) \mu\text{m}$ ($k = 2; P \approx 95\%$)

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **03 - 04 - 27**

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy



GIÁM ĐỐC
(Director)

GIÁM ĐỐC
Trần Đình Lân

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.8662.26

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị danh nghĩa	Kết quả (k = 2, P ≈ 95%)	
1	Trọng lượng đặt	1500 ± 30 g	1515 g	0,6 g
2	Trọng tâm của trọng lực	410 ± 5 mm	412 mm	1 mm
3	Tấm cao su trên đường đến áp suất tĩnh	2263 g	2264 g	1 g

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions):

	Nhiệt độ (Temperature), °C	Độ ẩm (Humidity), %RH
Bắt đầu	23,0	55,0
Kết thúc	23,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy P = 95,45% (k = 2).



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.8663.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy đo điện trở đất**
Kiểu (Type): **KEW 4105A** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **W8234617**
Nơi sản xuất (Manufacturer): **Thái Lan**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Phạm vi đo (Range): (0~20) Ω DCX: ±2 % rdg ±0,1 dgt
(0~200) Ω DCX: ±2 % rdg ±3 dgt
(0~2000) Ω DCX: ±2 % rdg ±3 dgt

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG MINH CHÂU

Địa chỉ (Address): 88 Nguyễn Tất Thành, Phường Hội An Tây, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **IMC.OHM-1.0**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Dụng cụ đo điện trở - Quy trình hiệu chuẩn**
Hộp điện trở chuẩn
Chuẩn được liên kết tới chuẩn quốc gia

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **03 - 04 - 27**

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy



GIÁM ĐỐC
(Director)

GIÁM ĐỐC
Trần Đình Tuấn

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.8663.26

Thang đo	Giá trị chuẩn Std. Input Value	Giá trị đo được Reading Value	ĐKĐBĐ Uncertainty (k=2;95%CL)
20 Ω	1	0,99	0,50%
	10	10,01	
	19	19,02	
200 Ω	10	10,1	
	100	100,4	
	190	191,6	
2000 Ω	100	101	
	1000	1003	
	1900	1906	

Độ không đảm bảo đo được ước lượng với mức tin cậy 95% tương ứng hệ số phủ k = 2

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$

Trang: 2/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.8664.26

Tên phương tiện đo (Object): **Súng thử bật nảy**
Kiểu (Type): C380 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): C380/BZ/0906
Nơi sản xuất (Manufacturer): MATEST ITALY
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (10 ÷ 100) R
Độ phân giải: 2R

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG MINH CHÂU

Địa chỉ (Address): 88 Nguyễn Tất Thành, Phường Hội An Tây, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 150 : 2004

Thiết bị thử cường độ bê tông bằng phương pháp bật nảy - Quy trình hiệu chuẩn
(Concrete strength test instrument with rebound method - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): IMC.TB1.13 - Đe hiệu chuẩn 60 ± 2 ; $U = 2R$

Kết quả (Results): Giá trị bật nảy của búa khi thử trên đe chuẩn

Lần thử	1	2	3	4	5
Kết quả	60	61	60	59	60

- Nhiệt độ hiệu chuẩn : $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$;
- Với độ không đảm bảo đo : $U = 2,0 R$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 03 - 04 - 27

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy



GIÁM ĐỐC
(Director)

GIÁM ĐỐC
Trần Đình Loan

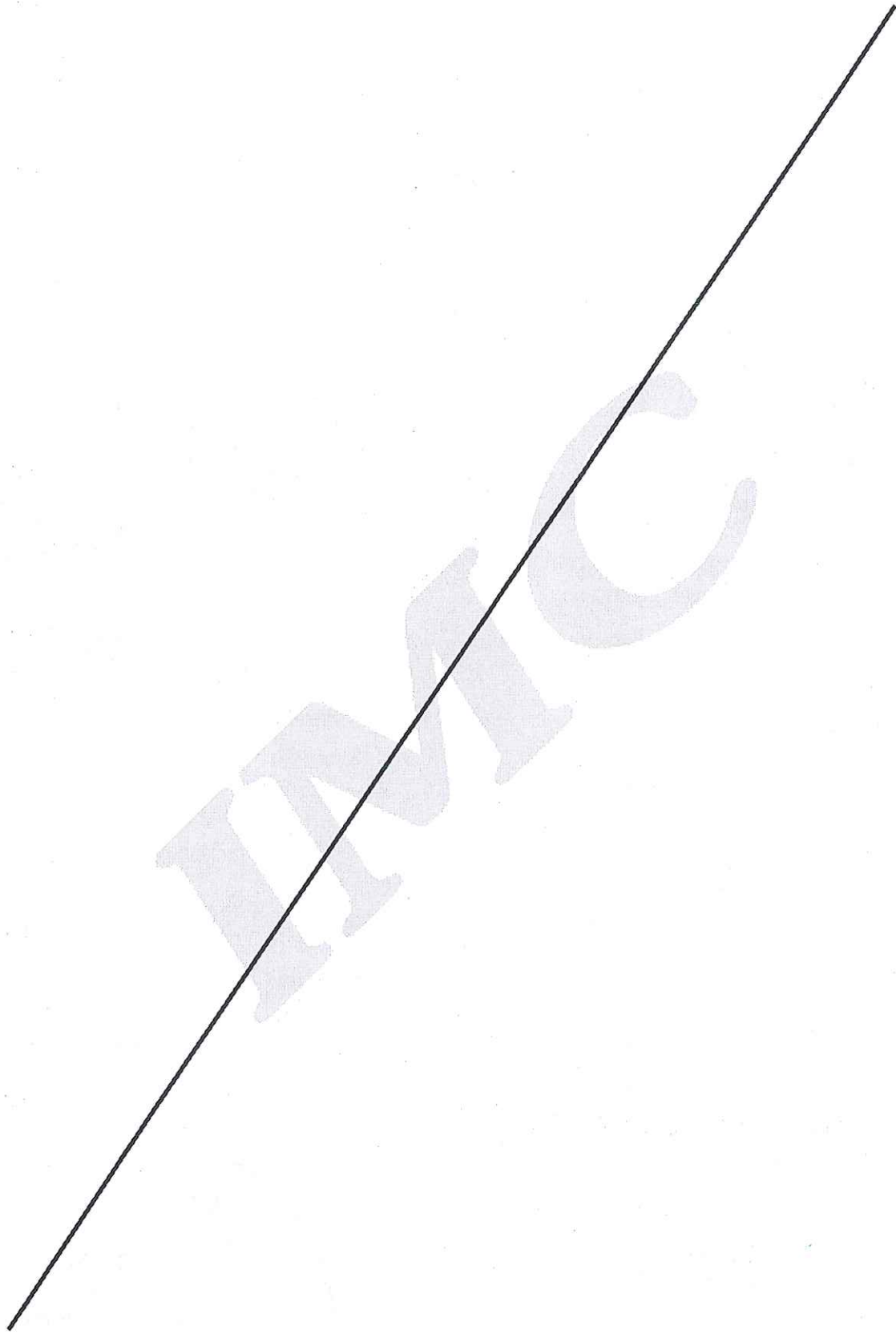
Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn
(Calibration results)



Trang: 2/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.8665.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Máy đo giãn dài nhựa**

Kiểu (Type): **T16001** Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): **140828**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Theo tiêu chuẩn ASTM D113**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG MINH CHÂU

Địa chỉ (Address): **88 Nguyễn Tất Thành, Phường Hội An Tây, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **Đo trực tiếp;
Theo yêu cầu khách hàng.**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Pan me, $d = 0,001 \text{ mm}$;

Đồng hồ bấm giây;

Thước cặp điện tử $U = (5 + 8L) \mu\text{m}$ ($k = 2$; $P \approx 95\%$)

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **03 - 04 - 27**

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy



GIÁM ĐỐC
(Director)

GIÁM ĐỐC
Trần Đình Lân

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.8665.26

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị danh nghĩa	Kết quả	
			Giá trị đo được	U
1	Vận tốc kéo	50 mm/phút \pm 5%	50,3 mm/phút	0,5 mm/phút
2	Chiều dài khuôn	(1500 \pm 0,1) mm	1500,05 mm	0,07 mm
3	Chiều rộng nhỏ nhất của khuôn	(10 \pm 0,1) mm	10,03 mm	0,07 mm

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (23 \pm 2) °C

IMC

Trang: 2/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.8666.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Máy chiết nhựa ly tâm**

Kiểu (Type) : **SLF-400** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **10102**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):
Tốc độ vòng quay: **2900 vòng/phút**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG MINH CHÂU

Địa chỉ (Address): **88 Nguyễn Tất Thành, Phường Hội An Tây, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4 - 09**

Máy chiết xuất ly tâm - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Đồng hồ đo tốc độ vòng quay

Kết quả (Results) : **Xem kết quả trang sau**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **03 - 04 - 27**

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2026
(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy



GIÁM ĐỐC
(Director)

GIÁM ĐỐC
Trần Đình Lân

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



* Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.8666.26

STT	Giá trị đặt (vòng/p)	Đo được (vòng/p)
1	1800	1801
2	2600	2604
3	2900	2909

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (25 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo: $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of (25 ± 2) °C. The measurement uncertainty is: $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.8667.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Thiết bị đo độ kim lún nhựa đường**

Kiểu (Type): **DF-6** Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): **141215**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Theo TCVN 7495; AASHTO T49, ASTM D5**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG MINH CHÂU

Địa chỉ (Address): **88 Nguyễn Tất Thành, Phường Hội An Tây, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-10**

Thiết bị đo độ kim lún nhựa đường - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Lực kế chuẩn,

Thiết bị đo độ dài: Pan me, $d = 0,001 \text{ mm}$. Thước cặp $d = 0,001 \text{ mm}$

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **03 - 04 - 27**

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)


Phạm Quang Duy



GIÁM ĐỐC
Trần Đình Loan

Trang: **1/2**
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

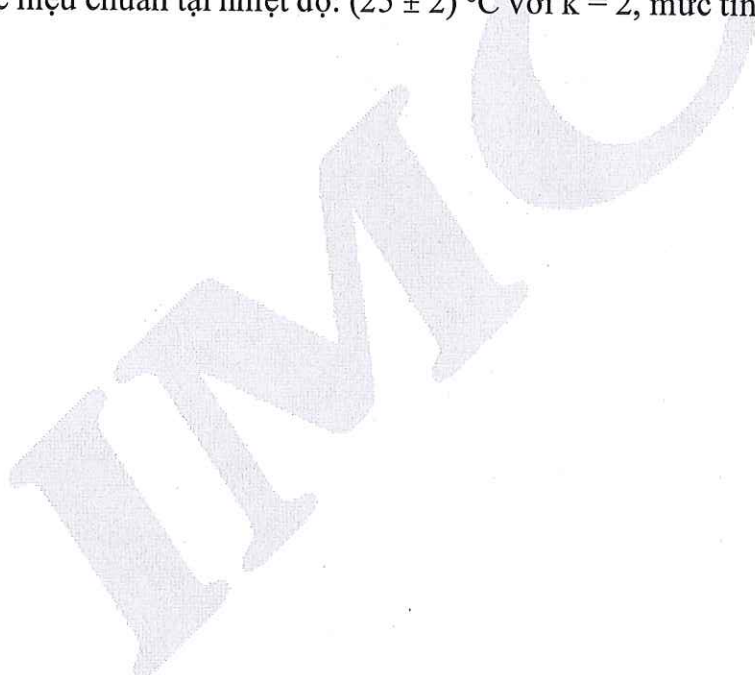
(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.8667.26

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị danh nghĩa	Kết quả	
			Giá trị đo được	U
1	Khối lượng trục kim và kim	$(50 \pm 0,05)$ g	50,02 g	0,02 g
2	Khối lượng quả tải trọng 1	$(50 \pm 0,05)$ g	50,02 g	0,03 g
3	Khối lượng quả tải trọng 2	$(100 \pm 0,05)$ g	100,02 g	0,02 g
4	Đường kính thân kim	$(1,00 \pm 1,02)$ mm	1,01 mm	0,005 mm

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (25 ± 2) °C với $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.





**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.8668.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Thiết bị thử hóa mềm nhựa tự động**

Kiểu (Type) : **DF-10** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **140803**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): Max 180°C**
Độ phân giải (Resolution): 0,1 °C

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG MINH CHÂU

Địa chỉ (Address): **88 Nguyễn Tất Thành, Phường Hội An Tây, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-07**

Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ đo nhiệt độ đa kênh: LR8402-20/HIOKI;


Độ không đảm bảo đo $U = 0,6$ °C

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **03 - 04 - 27**

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2026
(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)


Phạm Quang Duy



Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.8668.26

Chỉ thị (Indicator) (°C)	Chuẩn (Standard) (°C)	Số hiệu chỉnh (Correction) (°C)	Độ không đảm bảo đo (P=95% CL, k=2) (°C)
100	105	-5	4
150	155	-5	

